



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

CTY CP TM VÀ VT SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính tóm tắt

Quý II năm 2009

I - Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	488,226,412,321	496,151,702,934
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	30,801,971,978	11,540,192,899
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	18,266,680,000	1,504,180,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	146,728,423,004	166,437,676,744
4	Hàng tồn kho	276,436,319,705	272,645,891,014
5	Tài sản ngắn hạn khác	15,993,017,634	44,023,762,277
II	Tài sản dài hạn	134,885,474,750	148,762,874,830
1	Các khoản phải thu dài hạn	1,939,771,000	11,354,000
2	Tài sản cố định	37,976,534,618	33,155,345,551
	- Tài sản cố định hữu hình	28,515,213,848	24,643,390,202
	- Tài sản cố định vô hình	68,055,556	70,000,000
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9,393,265,214	8,441,955,349
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	94,301,667,410	114,127,600,000
5	Tài sản dài hạn khác	667,501,722	1,468,575,279
A	Tổng cộng tài sản	623,111,887,071	644,914,577,764
I	Nợ phải trả	550,652,672,678	574,959,876,214
1	Nợ ngắn hạn	484,863,391,824	499,241,153,066
2	Nợ dài hạn	65,789,280,854	75,718,723,148
II	Vốn chủ sở hữu	72,459,214,393	69,954,701,550
1	Vốn chủ sở hữu	72,284,918,873	69,780,406,030
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50,000,000,000	50,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	16,422,729,000	16,422,729,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	213,538,854	213,538,854
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	2,701,608,369	2,701,608,369
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,947,042,650	442,529,807
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	174,295,520	174,295,520
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	174,295,520	174,295,520
	- Nguồn kinh phí	0	
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	
B	Tổng cộng nguồn vốn	623,111,887,071	644,914,577,764

II - Kết quả hoạt động kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế đến 30/06/09
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	74,641,820,852	139,886,596,736
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	38,683,680	38,683,680
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74,603,137,172	139,847,913,056
4	Giá vốn hàng bán	67,112,555,326	125,109,217,486
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,490,581,846	14,738,695,570
6	Doanh thu hoạt động tài chính	256,542,244	328,581,534
7	Chi phí tài chính	718,299,087	2,404,898,452
8	Chi phí bán hàng	1,548,514,876	3,678,170,429
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,407,949,313	5,493,692,535
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,072,360,814	3,490,515,688
11	Thu nhập khác	289,179,243	363,531,245
12	Chi phí khác	366,393,530	393,079,557
13	Lợi nhuận khác	(77,214,287)	(29,548,312)
14	Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	2,995,146,527	3,460,967,376
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	490,633,684	513,924,726
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,504,512,843	2,947,042,650
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Hà n ội, ngày 20 tháng 07 Năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Phạm Trường Tam

Hoàng Văn Toàn

Kỳ trước